CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: NNHN-43/DBQG	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/11/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-90mm, có nơi trên 140mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 57%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 72%. + Sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN 62%. + Trên sông Hồng: Lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng theo chế độ thủy triều. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Hà Nội trong tuần qua xấp xỉ mức TBNN.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi trên 90mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 64%. + Sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 49%. + Trên sông Hồng: Lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng theo chế độ thủy triều. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Hà Nội dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: lưu lượng dòng chảy có xu thế tăng; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 41%. + Trên sông Lục Nam: lưu lượng dòng chảy tăng nhẹ, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 13%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi trên 80mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 15%. + Trên sông Lục Nam: lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 25%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc (Thanh Hóa, Nghệ An) phổ biến 60-120mm, có nơi trên 250mm. Phía Nam 150-300mm, có nơi trên 600mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Nghệ An: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã (Thanh Hóa) tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 23%, sông Cả (Nghệ An) tại trạm Yên Thượng thấp hơn 36%, sông Ngàn Sâu (Hà Tĩnh) tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 37%, sông Ngàn Phố (Hà Tĩnh) tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 70%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, trên các sông xuất hiện 01 đợt lũ, dòng chảy trên các sông có dao động và tăng cao so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP. Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 70%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc (Thanh Hóa-Nghệ An) phổ biến 20-50mm, cục bộ có nơi trên 80mm. Phía Nam phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Nghệ An: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa ít biến đổi so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 9%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 27%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 27%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 65%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến 150-250mm, có nơi trên 500mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, trên các sông xuất hiện 01 đợt lũ, dòng chảy trên các sông có dao động và tăng cao so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 9%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 42%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trên các sông đã xuất hiện một đợt lũ, lưu lượng dòng chảy tăng nhanh. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 5%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 20%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 114%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 85% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 82%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 19%; sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 20%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới, mực nước trên các sông có xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 53% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 53% so với TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-70m, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Những ngày đầu tuần, lưu lượng dòng chảy đến các sông ít biến đổi sau đó tăng cao từ ngày 11-12/11, lưu lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ và cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên

sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 61%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 10-30mm, cục bộ có nơi trên 50mm; phía Nam phổ biến 30-60mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla dao động ở mức tương đương so với tuần vừa qua; sông Krông Ana giảm dần sau đó có khả năng tăng trở lại vào những ngày cuối; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 56%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần; trên sông Tiền tại trạm Tân Châu thấp hơn TBNN 21%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 48%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15 giờ 00 ngày 22/11/2026

Tin phát lúc: 15 giờ 00 phút

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/11/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	57.9	>271	0.1	0.2	0	0.5	25.5	25.7	3.6	55.6	>324
	Sơn La	56.7	>404	0	0	0.1	7.1	0.5	7.1	0.9	15.7	>697
	Hòa Bình	139	>2146	0	0	0.1	43	0	0.6	0.1	43.8	>563
	Lào Cai	46.7	>366	0.1	0.1	0	0.4	11	9.6	0.1	21.3	>180
	Yên Bái	49.5	>280	0	0.1	0.5	10.5	1.7	2.7	0.1	15.6	>143
	Tuyên Quang	43.3	>229	1.4	1.1	3.8	6	1.2	6.3	3.1	22.9	>104
	Hà Giang	29.1	>76	1.3	0.9	0	5.9	10.8	6.7	0	25.6	>149
	Láng	44.9	>370	0.4	0.2	0.4	41.9	0.2	0.4	0	43.5	>291
	Thái Bình	82.2	>796	2	2.1	2.7	8.3	1.1	0	0	16.2	>19
	Nam Định	144.3	>1465	0.3	1.2	1.2	14.2	1.3	0	0	18.2	>72
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	46.8	>358	2.5	0.7	1.4	7.4	5.6	13.4	1.4	32.4	>288
	Thái Nguyên	51	>213	5	1.8	2.8	4.5	0.7	1.4	3.5	19.7	>74
	Bắc Ninh	29.7	>75	1.2	2.2	2.4	24.9	0.2	0.5	0	31.4	>170
	Lạng Sơn	75.8	>407	1.2	1.6	1.8	1.2	1.1	5.6	0	12.5	>103
	Bắc Giang	18.8	>64	3.5	2.2	1.7	17.3	0.4	0.6	0	25.7	>133
	Hải Dương	16	>21	0.8	2	2	36.5	0.2	0.4	0	41.9	>246
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	41.7	>427	0	0	0.3	20.9	0.3	0.1	0.2	21.8	>345
	Bái Thượng	112.9	>437	2.1	0.5	1.2	13.5	1.1	0.1	0	18.5	>118
	Thanh Hóa	155.4	>788	1.1	0.4	0.4	19	1.8	0	0	22.7	>140
	Quỳ Châu	84.2	>625	0.1	0	0.4	7.5	2.5	0.1	0	10.6	>22
	Tương Dương	20.9	>189	0	0.2	0.1	11.9	0.9	0.2	0	13.3	>85
	Đô Lương	93.3	>262	0.1	0.1	0.6	11.9	11.3	2	0	26	>33
	Vinh	86.5	>145	0	0	0.2	14.3	10.8	2.9	0	28.2	<5
	Hương Sơn	55.5	>9	0	0	0.2	20.8	22.6	0.5	0	44.1	>142
	Hương Khê	58.5	>69	0.3	0	4.2	10.7	0.1	0.1	0	15.4	<68

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Hà Tĩnh	206.5	>294	0	0	0.9	16.5	4.1	5.1	0.8	27.4	<69
	Đồng Hới	235.8	>393	0.5	0.4	3.6	3.8	15	50.1	0.9	74.3	>25
	Quảng Trị	207.5	>134	0	0.5	0.1	2.9	34.1	72.1	16.1	125.8	>21
	Nam Đông	657.1	>228	3.4	2	0.2	1.6	6.4	44.9	21.6	80.1	<57
	Huế	277.5	>125	0.9	1.8	0.9	3	14.4	95.8	26.2	143	<17
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	216.1	>103	0.4	0.1	0.1	6.8	22.5	51	25.3	106.2	<9
	Trà My	1059.6	>465	3.6	2.9	0	4.5	23.9	22.7	15.9	73.5	<68
	Ba Tơ	594.4	>234	0.7	0.3	0.3	4.3	11	23.4	19.1	59.1	<73
	Quảng Ngãi	267.1	>104	0.2	0.2	0.1	4.5	18	33.7	26.7	83.4	<36
	Quy Nhơn	256.6	>149	0.5	0.3	1.2	5.6	14.7	23.8	19.2	65.3	<42
	An Khê	156.6	>163	0.1	0.1	0.2	2	2.8	2.1	4.3	11.6	<86
	Tuy Hòa	286.7	>134	0.5	1.3	2.7	11.5	20.6	30.3	23.4	90.3	<23
	Nha Trang	152.4	>126	1.4	3.7	8.5	9.4	18.6	11.8	34.4	87.8	<12
Lưu vực sông Mê Kông	Kon Tum	30.9	>158	2.2	0	0.1	0	0	0.4	0.1	2.8	<74
	Lắk	41.4	<1	8.1	1.5	5.5	1.4	0.8	0.1	0.5	17.9	<30
	Buôn Mê Thuột	57.4	>89	2.6	0.4	1.6	0.9	0.3	0.3	0.4	6.5	<70
	Biên Hòa	20.3	<2	6.2	0.6	8.7	0.2	2.4	11.6	6.8	36.5	>126
	Cần Thơ	12	<53	17.7	6.1	7.9	0.5	0.7	20.8	1.2	54.9	>131

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/11/2026

Đơn vị: triệu m^3

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	129	<57	15	12	11	11	10	10.0	10	79	<66
Lô	Tuyên Quang	114.74	<72	18.14	19.01	25.92	24.19	23.33	24.2	24.62	159.41	<64
Đà	Hồ Hòa Bình	214.32	<62	27.6	28.5	30.2	32.8	38.9	43.2	44.9	246.1	<49
Hồng	Hà Nội	962	>1	135	135	130	130	130	125.0	125	910	>6
Cầu	Gia Bảy	29.55	>41	3.74	3.11	2.61	2.22	2.06	1.9	2.06	17.7	>15
Lục Nam	Chũ	4.52	<13	0.72	0.5	0.49	0.45	0.41	0.4	0.38	3.33	<25
Mã	Cẩm Thủy	135.5	< 23	19.6	19.5	18.6	20.3	21.3	20.7	19.1	139.1	< 9
Cả	Yên Thượng	213.5	< 36	26.8	26.2	24.9	27.3	28.7	27.8	25.7	187.49	< 27
La	Hòa Duyệt	78.6	< 37	10.37	10.2	9.64	10.6	11.1	10.8	10.0	72.576	< 27
Tả Trạch	Thượng Nhật	48	> 70	4	3.9	3.7	3.6	3.6	3.5	3.3	25.6	~ TBNN
Thu Bồn	Nông Sơn	677.4	> 9	125.3	110.6	86.4	60.5	50.1	53.6	48.2	534.7	< 19
Trà Khúc	Sơn Giang	568.5	> 42	77.8	67.4	56.2	44.9	47.5	41.7	35.9	371.4	< 20
Ba	Củng Sơn	352.6	<20	43.2	38.88	34.56	30.24	25.92	21.6	17.28	211.68	<53
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	126.4	>114	7.78	6.91	6.91	6.48	6.05	5.2	6.05	45.36	<53
ĐăkBla	KonTum	21.71	< 77	2.85	2.94	2.76	2.76	3.11	3.5	3.28	21.2	< 77
Srêpôk	Giang Sơn	46.51	< 61	9.5	8.21	7.08	6.48	6.22	6.9	7.34	51.7	< 56
Tiền	Tân Châu			1051	1042	1033	1025	1021	1016	1012	7197	<21
Hậu	Châu Đốc			160	156	148	140	132	125	123	982	<48